TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 727/2023/HC-PT Ngày: 23-8-2023 V/v khiếu kiện hành vi hành chính	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 160/2023/TLPT-HC ngày 15/3/2023, về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1702/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1932/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Phan Đức L, sinh năm 1971; Địa chỉ: 3 Đường số A, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện*: Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H; Địa chỉ: F T, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn C, Phó Trưởng Phòng pháp chế Sở Xây dựng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Đức L, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản đối thoại và lời trình bày tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Phan Đức L trình bày:

Ông là người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (Thửa đất số 654, tờ bản đồ số 61) tọa lạc tại phường T, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 01/7/2016, ông được U (nay là UBND thành phố T) cấp Giấy

phép xây dựng nhà số 2587/GPXD trên thửa đất trên và đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

Trước khi tiến hành xây dựng thì hai nhà liền kề (bên phải và bên trái) đều đã được xây dựng hoàn chỉnh, vì vậy ông phải xác định lại mốc xây dựng theo các hộ liền kề, ranh xây dựng trước và sau. Trong khoảng thời gian tiến hành xây dựng, Thanh tra xây dựng thuộc Sở Xây dựng Thành phố H thường xuyên đến kiểm tra công trình có lập biên bản, cụ thể:

- Biên bản số 4702/BB-KT ngày 15/11/2016 kiểm tra công trình xây dựng lần 1 có nội dung: *"Hiện Trạng công trình đang thi công tầng 1. Tổ công tác kiểm tra ghi nhận công trình thi công đúng giấy phép được cấp"*.

- Biên bản số 4872/BB-KT ngày 29/12/2016 kiểm tra công trình xây dựng lần 2 có nội dung: *"Hiện trạng xây dựng công trình đã hoàn thành. Công trình xây dựng 02 tầng. Tổ công tác ghi nhận: Công trình thi công đúng với giấy phép và bản vẽ được cấp"*.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng, ngày 10/12/2016 gia đình ông chuyển đến sinh sống bình thường, nhưng khi ông vắng nhà đã xảy ra sự việc nhà bị đập phá hai góc, trên tường có vạch sơn màu đỏ thể hiện hai góc nhà bị đập.

Ngày 01/12/2017, Đội Thanh tra địa bàn Quận I - Thanh tra Sở Xây dựng đến lập Biên bản số 165/BB-VPHC xác định ông xây dựng tăng trái phép 2,8m^2, theo biên bản thì phần xây dựng trái phép là phần hai góc nhà bị đập phá trước đó. Ngày 04/12/2017, ông nhận được biên bản trên qua đường bưu điện. Cho rằng nội dung biên bản có bịa đặt, vu khống nhằm mục đích sách nhiễu và vòi vĩnh, nên ngày 06/12/2017 ông có đơn khiếu nại về hành vi bịa đặt và những nhiễu của ông Trần Ngọc M và thanh tra viên Trần Xuân T đến Giám đốc Sở Xây dựng theo Biên nhận số 40/BN-HS ngày 06/12/2017, nhưng không được Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chờ Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H giải quyết khiếu nại, ông đã ký hợp đồng với Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H, ngày 04/5/2018 Trung tâm đo đạc bản đồ lập Bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh số 125775/TTĐĐBĐ-VPTT đã xác định nội dung Biên bản số 165/BB-VPHC ngày 01/12/2017 là không đúng sự thật.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu: Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H bồi thường chi phí đi lại là 3.000 đồng, tiền sao y tài liệu cần thiết để nộp cho Tòa là 27.000 đồng, buộc Giám đốc Sở xây dựng Thành phố H thụ lý, giải quyết khiếu nại đúng theo quy định pháp luật và xin lỗi ông bằng văn bản, công khai xin lỗi trên báo S ít nhất 01 kỳ.

Ngày 28/7/2022, ông L có Đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung xác định lại những yêu cầu khởi kiện, cụ thể những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Tuyên bố hành vi của Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H về không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông là trái quy định của pháp luật.

- Buộc Giám đốc Sở xây dựng Thành phố H thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông đúng theo quy định pháp luật.

- Buộc Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H xin lỗi ông bằng văn bản, công khai xin lỗi trên báo S ít nhất 01 kỳ.

- Ông rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H bồi thường chi phí đi lại là 3.000 đồng, tiền sao y tài liệu cần thiết để nộp cho Tòa là 27.000 đồng.

Người bị kiện Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H có ý kiến tại Văn bản số 15672/SXD-TT-TNMT ngày 04/01/2021 và tại phiên tòa trình bày:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh số 20858/ĐĐBĐ-CNTĐ do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 13/11/2017, xác định một phần diện tích công trình xây dựng do ông L làm chủ đầu tư nằm ngoài ranh đất được công nhận (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02709 do U cấp ngày 23/4/2013).

Ngày 01/12/2017, Đội Thanh tra địa bàn Quận I - Thanh tra Sở Xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính số 165/BB-VPHC và yêu cầu ông L phá dỡ phần công trình xây dựng vi phạm Giấy phép xây dựng nhà số 2587/GPXD, cụ thể: "tăng dện *tích xây dựng tại tầng 1, diện tích 2,8m^2, cấu trúc: móng, cột, tường gạch, mái tôn, sân xi măng. Thời điểm hoàn thành công trình: tháng 12/2016",* quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ.

Ngày 28/12/2017, Phó Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng số 1939/QĐ-XPVPHC đối với ông L do có hành vi tổ chức thi công xây dựng sai Giấy phép xây dựng số 2587/GPXD, với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

"- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Phan Đức L tự phá dỡ phần công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp. Cụ thể:

Xây dựng tầng 1 tăng diện tích phía sau: 2,8m^2 ;

Kết cấu: Móng, cột, tường gạch, mái tôn, sân xi măng".

Ngày 16/3/2018, Phó Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực biện pháp khắc phục hậu quả số 437/QĐ-CCXP đối với ông L, yêu cầu phá dỡ phần công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông L, ngày 22/5/2018 Thanh tra Sở Xây dựng ban hành Công văn số 3091/TT-TCD&GQKNTC về việc trả lời đơn của ông L liên quan đến công trình nêu trên, đề nghị ông L chấp hành nghiêm Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1939/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017

và Quyết định cưỡng chế buộc thực biện pháp khắc phục hậu quả số 437/QĐ-CCXP ngày 16/3/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng, thực hiện phá dỡ phần công trình xây dựng sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp.

Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H cho rằng việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông L không thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở theo quy định tại Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 19 Luật Khiếu nại. Do đó Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1702/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ vào Điều 46 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 23 và Điều 24 của Luật Thanh tra;

Căn cứ vào Điều 19 của Luật Khiếu nại;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Phan Đức L về yêu cầu Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H bồi thường chi phí đi lại là 3.000 (ba nghìn) đồng, tiền sao y tài liệu cần thiết để nộp cho Tòa là 27.000 (hai mươi bảy nghìn) đồng.

[2] Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Phan Đức L về việc:

- Tuyên bố hành vi của Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H về không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông L là trái quy định của pháp luật.

- Buộc Giám đốc Sở xây dựng Thành phố H thụ lý, giải quyết khiếu nại đúng theo quy định pháp luật.

- Buộc Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H xin lỗi ông bằng văn bản, công khai xin lỗi trên báo S ít nhất 01 kỳ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 07/10/2022, người khởi kiện là ông Phan Đức L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phan Đức L là người khởi kiện thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Phan Đức L:

Lần thứ nhất, ngày 06/12/2017, ông gửi đơn khiếu nại hành vi nhũng nhiễu của Thanh tra xây dựng địa bàn Quận I đến Giám đốc Sở Xây dựng và đơn được chuyển đến Chánh Thanh tra Sở Xây dựng. Chánh Thanh tra có mời ông làm việc nhưng không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Đúng 151 ngày sau, tức ngày 08/5/2018, do không nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh Thanh tra nên ông gửi đơn khiếu nại lần thứ hai đến Giám đốc Sở Xây dựng, nhưng vẫn không được giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, Kiểm sát viên là ông Nguyễn Văn L1 khi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đã phát biểu quan điểm của một vụ án khác mà ông đã khởi kiện, không phải nội dung vụ án này. Do đó, có căn cứ xác định ông L1 đã không vô tư, khách quan khi làm nhiệm vụ.

Ông đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Trường hợp nếu không sửa được, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

2. Ông Nguyễn Văn C: Thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với Thanh tra địa bàn thuộc Chánh Thanh tra Sở Xây dựng, không thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Xây dựng. Nội dung đơn mà mà ông L cho rằng khiếu nại lần thứ hai chủ yếu chứa đựng nội dung phản ánh, kiến nghị về hành vi nhũng nhiễu của Thanh tra địa bàn, không phải là đơn khiếu nại nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Xây dựng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ toạ phiên toà, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông L làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo:

Ông L cho rằng các Thanh tra viên địa bàn có hành vi nhũng nhiễu nên gửi đơn kiến nghị xử lý. Đây là việc phản ánh, kiến nghị không phải là đơn khiếu nại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Chánh Thanh tra, không thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Xây dựng. Việc ông L cho rằng ông L1 là Kiểm sát viên không vô tư khách quan đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phan Đức L làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H (sau đây viết tắt là Giám đốc Sở Xây dựng) tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện. Tuy nhiên, tại Văn bản số 12028/SXD-TT ngày 06/9/2022, Giám đốc Sở Xạy dựng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông L cho rằng các Thanh tra viên địa bàn Quận I nhũng nhiễu, vu khống, lập biên bản xuyên tạc sự thật nên ngày 06/12/2017, ông L nộp đơn khiếu nại đến Giám đốc Sở Xây dựng nhưng không được giải quyết. Cho rằng hành vi không giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Xây dựng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mình nên ngày 30/5/2018 ông L khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Giám đốc Sở Xây dựng bồi thường chi phí đi lại, sao y tài liệu và buộc xin lỗi công khai trên S. Do đó, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông L, nhận thấy:

[4.1] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà sơ thẩm, ông L rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Giám đốc Sở Xây dựng bồi thường chi phí đi lại 3.000 đồng, tiền sao y tài liệu cần thiết để nộp cho Tòa 27.000 đồng, nên bản án sơ thẩm quyết định đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính.

[4.2] Biên bản số 165/BB-VPHC ngày 01/12/2017 của Đội Thanh tra địa bàn Quận I thuộc Thanh tra Sở Xây dựng (sau đây viết tắt là Biên bản số 165) có nội dung ghi nhận vi phạm của ông L trong lĩnh vực xây dựng. Cho rằng nội dung Biên bản số 165 là bịa đặt, vu khống nhằm mục đích sách nhiễu, nên ngày 06/12/2017 ông đã khiếu nại đến Giám đốc Sở Xây dựng.

Xét thấy, Đội Thanh tra địa bàn Quận I là cơ quan hành chính Nhà nước do cơ quan hành chính Nhà nước cấp trên quản lý trực tiếp là Thanh tra Sở Xây dựng mà người đứng đầu là Chánh Thanh tra Sở Xây dựng. Theo quy định tại Điều 46 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 19 của Luật Khiếu nại và Luật Thanh tra, trường hợp ông L có khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết thuộc Chánh Thanh tra Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Xây dựng không có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu.

Do việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền nên ngày 08/5/2018, ông L tiếp tục khiếu nại và Giám đốc Sở Xây dựng không thụ lý, giải quyết khiếu nại là có căn cứ.

Do đó, việc ông L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi của Giám đốc Sở Xây dựng về việc không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông là trái quy định của pháp luật và buộc Giám đốc Sở Xây dựng phải thụ lý, giải quyết khiếu nại là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.3] Do yêu cầu nêu trên của ông L không được chấp nhận nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc Giám đốc Sở Xây dựng xin lỗi ông bằng văn bản, công khai xin lỗi trên báo S là có căn cứ.

[4.4] Tại phiên toà phúc thẩm, ông L cho rằng tại phiên toà sơ thẩm Kiểm sát viên là ông Nguyễn Văn L1 đã không vô tư, khách quan khi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đã phát biểu quan điểm của một vụ án khác mà ông đã khởi kiện, không phải nội dung vụ án này nên ông yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận, bởi yêu cầu này của ông L đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, ông L không xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông L là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông L phải nộp án phí theo luật định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Đức L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1702/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 46 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 23 và Điều 24 của Luật Thanh tra;

Căn cứ vào Điều 19 của Luật Khiếu nại;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Phan Đức L về yêu cầu Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H bồi thường chi phí đi lại là 3.000 (ba nghìn) đồng, tiền sao y tài liệu cần thiết để nộp cho Tòa là 27.000 (hai mươi bảy nghìn) đồng.

[2] Không chấp nhận phần các yêu cầu khởi kiện sau đây của ông Phan Đức L:

- Tuyên bố hành vi của Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H về không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông L là trái quy định của pháp luật.

- Buộc Giám đốc Sở xây dựng Thành phố H thụ lý, giải quyết khiếu nại đúng theo quy định pháp luật.

- Buộc Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố H xin lỗi ông Phan Đức L bằng văn bản, công khai xin lỗi trên báo S ít nhất 01 kỳ.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Đức L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 3370 ngày 04/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

Võ Văn Khoa